

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,190.54	761	15,365,000
Được chi trong ngày					15,365,000
Đã chi trong ngày					15,365,000
1. Dịch vụ					1,537,200
1	Dịch vụ thu		0	395	0
2	Dịch vụ thu		4,200	366	1,537,200
3			0	366	0
2. Kho					2,581,644
Ăn chính					2,581,644
1	Gạo tẻ	Kg	24,000	32	768,000
2	Sữa bột Nuti trường học	Kg	259,092	7	1,813,644
3. Đi chợ					11,246,156
Ăn sáng					3,952,800
1	Hành củ tươi	Kg	80,000	2	160,000
2	Tỏi	Kg	150,000	1	150,000
3	Đường cát	Kg	30,000	1.7	51,000
4	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1	25,000
5	Muối iốt	Gói	4,000	1.7	6,800
6	hạt màu điều	Chai	10,000	4	40,000
7	Đường phèn	Kg	35,000	1	35,000
8	sợi mì quảng	Kg	20,000	26	520,000
9	Ngò rí	Kg	60,000	2	120,000
10	Xương Heo	Kg	120,000	6	720,000
11	Hành lá	Kg	50,000	1.5	75,000
12	Củ cái	Kg	20,000	5	100,000
13	Thịt cốt lếch	Kg	130,000	15	1,950,000
Ăn chính					7,293,356
1	Khoai lang	Kg	35,000	1	35,000
2	Khoai tây	Kg	28,000	0.5	14,000
3	Đậu hũ chiên	Kg	4,000	15	60,000
4	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Chai	25,000	4	100,000
5	Củ dền	Gói	30,000	0.5	15,000
6	Hành củ tươi	Chai	80,000	1.3	104,000
7	Mướp	Kg	20,000	13	260,000
8	Rau mồng tơi	Kg	8,000	13	104,000
9	Su su	Kg	12,000	3.5	42,000
10	Tỏi	Kg	150,000	1	150,000
11	Táo ta	Kg	35,000	26	910,000
12	Dầu thực vật	Kg	50,000	1.4	70,000
13	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt d	Kg	130,000	8	1,040,000
14	Tôm biển	Kg	180,000	8	1,440,000
15	Đường cát	Kg	30,000	1.4	42,000
16	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1.4	35,000
17	Muối iốt	Gói	4,000	1.66	6,656
18	Ngò rí	Kg	60,000	1.4	84,000
19	Hành lá	Kg	50,000	1.3	65,000
20	Thịt bò	Kg	260,000	6.3	1,638,000
21	Xốt trứng muối	Chai	35,000	10	350,000

22	Trứng vịt	Quả	4,000	30	120,000
23	Trứng cút	Quả	700	306	214,200
24	Nấm tuyết	Kg	400,000	0.2	80,000
25	Bột bắp	Kg	100,000	1.5	150,000
26	Đường phèn	Kg	35,000	0.7	24,500
27	Nấm đông cô	Kg	400,000	0.2	80,000
28	Bột năng	Kg	60,000	1	60,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					15,849,864
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					66,079,336
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					4,512
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					91,060,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					91,060,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán

Phạm Thị Ngà

Phó hiệu trưởng


Phạm Thị Hồng Huế